

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP Y HỌC STMED
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP Y HỌC STMED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STMED TECHNOLOGY AND MEDICAL SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110853949

3. Ngày thành lập: 04/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 49/8, Ngõ 294, Phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0383720759

Fax:

Email: nguyentienquang250193@gmail.com Website: l.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772(Chính)
2.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị vật tư y tế	4773
3.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng) (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
4.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn thiết bị vật tư y tế	4690
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...	4649
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
9.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
10.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11.	Bốc xếp hàng hóa	5224

12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ)	4933
13.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics	5229
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
17.	Dịch vụ đóng gói	8292
18.	Quảng cáo	7310
19.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
20.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
21.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
24.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
25.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
26.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
27.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Dịch vụ thiết kế đồ thị - Hoạt động trang trí nội thất	7410
31.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
32.	Đào tạo sơ cấp	8531
33.	Đào tạo trung cấp	8532
34.	Đào tạo cao đẳng	8533

35.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy bơi - Dạy thể dục - Dạy yoga	8551
36.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
37.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
38.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
39.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
40.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
41.	In ấn	1811
42.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
43.	Sao chép bản ghi các loại	1820
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh	8299
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
50.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4511

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	THẨM QUANG TRUNG	1204B Tòa B, Số 102 Phố Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	0010860078 82	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
2	ĐẶNG QUỐC TUẤN	Số 3, Phố Kim Mã Thượng, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	75,000	0010820432 08	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	75,000		

3	NGUYỄN TIẾN CUỒNG	Nhà D3, Tập thể Dệt, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0010930058 97
			Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN CUỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/01/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093005897

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn My Thượng, Xã Thanh Mai, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà D3, Tập thể Dệt, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội